TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 của người yêu cầu:

- Ông Ngô Tấn H, sinh năm 1996; CCCD số 048096002135 cấp ngày 08/09/2023; Địa chỉ: K đường P, phường T, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Trương Khánh U, sinh năm 1999; CCCD số 048199006188 cấp ngày 21/06/2023; Địa chỉ: K đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U kết hôn với nhau vào năm 2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, đăng ký ngày 05/12/2023. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U chung sống tại địa chỉ: K đường P, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống không hòa hợp.

Tại phiên hòa giải, ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn của ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U.

[2] Về con chung: Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U xác nhận vợ chồng có 03 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao cháu Ngô Trương Bảo N, sinh ngày 25/01/2018 và cháu Ngô Minh H1, sinh ngày 09/10/2023 cho bà Trương Khánh U trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Minh

K, sinh ngày 03/12/2019 cho ông Ngô Tấn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U xác định xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:* 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U mỗi người phải chịu một nửa là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0002774 ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 121, ngày 05/12/2023 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng)

[2] *Về con chung:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U xác nhận vợ chồng có 03 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao cháu Ngô Trương Bảo N, sinh ngày 25/01/2018 và cháu Ngô Minh H1, sinh ngày 09/10/2023 cho bà Trương Khánh U trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Minh K, sinh ngày 03/12/2019 cho ông Ngô Tấn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U mỗi người phải chịu một nửa là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002774 ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Ngô Tấn H và bà Trương Khánh U đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2014/QH13.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Kiều Trang